

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 21 - 6 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lao

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T, sinh năm 1974 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Ch và bà Bùi Thị Ph (đã chết); có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 50/2006/HSST ngày 12/9/2006, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc; Bản án số 17/2008/HSST ngày 21/3/2008, Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc; Bản án số 25/2018/HS-ST ngày 23/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc; danh bản, chỉ bản số 086 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 08/3/2018; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2018 đến nay; có mặt.

2. Trần Văn Th, sinh năm 1973 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 5, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang Kh và bà Hồ Thị M; có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 199/2012/HSST ngày 31/7/2012, Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 25/12/2013; danh bản, chỉ bản số 163 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 22/5/2018; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2018 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 2, xã B, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th; có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 63/2004/HSST ngày 04/5/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) xử phạt 12 tháng tù về tội Đánh bạc; Bản án số 25/2005/HSST ngày 27/5/2005, Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 50/2014/HSST ngày 27/02/2014, Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 17/02/2015; danh bản, chỉ bản số 142 do Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội lập ngày 20/4/2018; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/4/2018 đến ngày 23/4/2018 được tại ngoại; tạm giam: Không; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947; nơi cư trú: Cụm 2, xã B, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Chị Đỗ Thị Thúy Ng, sinh ngày 05/5/2000; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Cụm 5, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 04/2/2018, Đỗ Văn T ở thôn B, xã T, huyện Đ, Thành phố

Hà Nội; Trần Văn Th ở Cụm 5, xã A, huyện Đ; Nguyễn Văn T1 ở Cụm 2, xã B, huyện Đ và một người đàn ông tên T2 ở Lâm Đồng (không xác định được rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của T2) là bạn của T1, cùng ngồi chơi tại quán hát của T ở khu vực Đập Trần thuộc xã T. Tại đây, cả bọn cùng rủ nhau đi trộm cây đào cảnh về để chơi Tết. Sau đó, T điều khiển xe máy Honda Dream không biển số, số khung 0172228, số máy 0172228 chở Th ngồi sau, T1 điều khiển xe máy Honda Dream biển kiểm soát 29F3-5707 chở T2 ngồi sau cùng đi đến vườn đào cảnh nhà anh Lê Mạnh H ở thôn V, xã T và nhổ trộm được 05 cây hoa đào. Sau khi nhổ đào xong, T lái xe chở Th ngồi phía sau ôm 03 cây hoa đào, còn T1 lái xe chở T2 ngồi phía sau ôm 02 cây hoa đào vừa trộm được. Khi đi đến khu vực Đập Trần, xã T thì cả bọn bị tổ tuần tra kiểm soát thuộc Công an huyện Đ phát hiện. T1 và T2 vút lại 02 cây hoa đào và bỏ chạy, còn T và Th bị tổ tuần tra giữ lại kiểm tra và đưa về trụ sở Công an làm việc. Vật chứng thu giữ gồm một xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream không biển số của T và 05 cây hoa đào.

Tại cơ quan điều tra, T và Th đã khai nhận rõ sự việc. Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản đối với 05 cây hoa đào thu giữ được. Tại kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐ ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận: Một cây hoa Đào bích cao 1m80, đường kính thân gốc 05cm có giá trị là 1.200.000 đồng và 04 cây hoa đào bích cao 1m80, đường kính thân gốc 04cm có giá trị là 4.400.000 đồng. Tổng giá trị 05 cây hoa Đào là 5.600.000 đồng.

Ngày 17/4/2018, Nguyễn Văn T1 đã đến Công an huyện Đ để đầu thú về hành vi của mình và tự giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 29F3-5707 là chiếc xe T1 đã sử dụng chở T2 đi trộm cắp cùng với T và Th.

Quá trình điều tra Đỗ Văn T, Trần Văn Th và Nguyễn Văn T1 khai: Th và T1 tuy không quen biết nhau nhưng cùng có quen biết với T. Vào khoảng 23 giờ 30 phút 03/2/2018, khi Th và T đang ngồi chơi ở quán hát của T ở Đập Trần, xã T thì T1 chở T2 bằng xe máy đi đến chơi. Bốn người ngồi chơi đến khoảng 01 giờ sáng ngày 04/2/2018 thì cùng nảy sinh ý định đi nhổ trộm đào cảnh về để chơi tết. T điều khiển xe máy Honda Dream (xe có biển kiểm soát là 31T9-179 nhưng đã bị rơi ra nên hôm đó không đeo biển số), mượn của con gái T là Đỗ Thị Thúy Ng, chở Th; T1 điều khiển xe máy Honda Dream, biển kiểm soát 29F3-5707 mượn của ông Nguyễn Văn Th (bố đẻ của T1) chở T2. Cả bọn đi theo T đến vườn đào cảnh không rõ của ai ở gần khu vực nghĩa trang thôn V, xã T. Thấy không có người trông giữ, cả bọn lên vào bên trong vườn và nhổ trộm được 05 cây đào, mỗi cây cao khoảng 1m50. Khi lên xe ra về, T vẫn điều khiển xe chở Th ngồi phía sau ôm 03 cây đào và T1 điều khiển xe chở T2 ngồi sau ôm 02 cây đào. Khi đi ra đến khu vực Đập Trần thì gặp tổ tuần tra phát hiện như trên.

Chị Trần Thị Th là vợ của Đỗ Văn T đã giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc

biển số 31T9-179 là biển số của chiếc xe do T điều khiển khi đi trộm cắp. Anh Lê Mạnh H, chủ vườn đào cảnh có 05 cây đào bị Đỗ Văn T và đồng bọn trộm cắp khai: Anh bị mất 15 cây đào và có 10 cây đào khác bị nhổ lên khỏi mặt đất đã bị héo rũ và gãy hỏng một phần. Anh yêu cầu các đối tượng trộm cắp cây hoa đào của anh phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-ĐP ngày 31 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố Đỗ Văn T, Trần Văn Th và Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong quá trình điều tra. Các bị cáo đều khai thấy ân hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là anh Lê Mạnh H tại phiên tòa trình bày: Sau khi sự việc xảy ra chị Nguyễn Thị H là vợ bị cáo Th đã đến bồi thường cho anh số tiền 5.000.000 đồng. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Th. Đối với bị cáo T và bị cáo T1, anh H đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật và tiếp tục yêu cầu hai bị cáo mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày do bị cáo Trần Văn Th nói với chị nên chị đã bồi thường cho anh Lê Mạnh H 5.000.000 đồng, số tiền này là tiền chung của chị và bị cáo Th. Chị H đề nghị chỉ bồi thường phần trách nhiệm của bị cáo Th mà không bồi thường thay phần trách nhiệm của bị cáo T và T1. Số tiền chênh lệch theo phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo Th với số tiền chị H đã giao cho anh H thì hai bên sẽ tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn Th và Nguyễn Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Văn T từ 8 tháng tù đến 10 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn Th từ 7 tháng tù đến 9 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T1 từ 7 tháng tù đến 9 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Th đã tự nguyện bồi thường cho anh H, còn lại bị cáo T và T1, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền 1.867.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ án xảy ra tại địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã thực hiện trình tự, nội dung ban hành các văn bản và quyết định tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn Th và Nguyễn Văn T1 khai nhận phù hợp với nhau và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố. Lời khai của các bị cáo cũng được chứng minh bằng lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 01 giờ sáng ngày 04/2/2018, Đỗ Văn T, Trần Văn Th, Nguyễn Văn T1 và một người tên T2 là bạn của Nguyễn Văn T1 (chưa xác định rõ được đầy đủ tên, tuổi, địa chỉ của người này) cùng nảy sinh ý định và rủ nhau đi nhỏ trộm đào cảnh về để chơi tết. Đỗ Văn T đã điều khiển xe máy Honda Dream màu nâu, không mang biển kiểm soát chở Trần Văn Th ngồi phía sau; Nguyễn Văn T1 điều khiển xe máy Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 29F3-5707 chở T2 ngồi phía sau, cả bọn đi đến vườn đào của anh Lê Mạnh H ở khu vực gần nghĩa trang thôn V, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Lợi dụng vườn đào không có người trông giữ, cả bọn đã lên vào và nhỏ trộm được 05 cây đào cảnh có tổng giá trị là 5.600.000 đồng. Sau đó, trên đường đi về thì Đỗ Văn T và đồng bọn bị tổ tuần tra Công an huyện Đ phát hiện.

[3] Hành vi như nêu trên của Đỗ Văn T, Trần Văn Th và Nguyễn Văn T1 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì không những xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mặt khác còn gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đều là những người có sức khỏe và đủ năng lực nhận thức nhưng lại có những suy nghĩ không chính đáng. Chỉ vì muốn có cây đào cảnh để chơi tết nhưng không muốn mất tiền mua nên các bị cáo đã rủ nhau đi trộm cắp.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ mà cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, trong vụ án thì bị cáo T có vai trò đầu vụ, các bị cáo T và Th có vai trò sau bị cáo T. Bản thân các bị cáo đều đã từng bị Tòa án xét xử về các hành vi phạm tội khác nhau, cụ thể: Bị cáo T hai lần bị xét xử về tội Đánh bạc vào năm 2006 và 2008, ngoài ra vào ngày 14/12/2017 bị cáo T lại có hành vi Đánh bạc, trong thời gian được Cơ quan điều tra Công an huyện Đ cho tại ngoại thì T thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản ngày 04/2/2018; đến ngày 23/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt T 07 tháng tù về tội Đánh bạc tại Bản án số 25/2018/HS-ST, hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Bị cáo Trần Văn Th năm 2012 bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Th đã chấp hành xong hình phạt. Bị cáo

Nguyễn Văn T1 đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc năm 2004, năm 2014 và một lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản năm 2005, bị cáo T cũng đã chấp hành xong hình phạt. Tuy các bị cáo đều đã được xóa án nhưng thể hiện nhân thân các bị cáo rất xấu, không có ý thức cải tạo sửa chữa bản thân thành công dân tốt. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thích hợp để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét các bị cáo phạm tội đều không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Th đã tác động để vợ bị cáo bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T sau khi bỏ trốn đã tự đến cơ quan điều tra để đầu thú và giao nộp vật chứng của vụ án. Do đó, bị cáo Th sẽ được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối tượng có tên T2 quê ở Lâm Đồng là người đã cùng T, Th và T thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản nhưng T2 đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra chưa xác định được rõ đầy đủ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể nên đã tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[5] Trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt tuy đã được thu hồi và trả lại cho bị hại là anh Lê Mạnh H nhưng anh H trình bày sau khi trồng lại và chăm sóc nhưng các cây Đào không phát triển được và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Xét thấy yêu cầu của anh H là có căn cứ, cần được chấp nhận. Tuy nhiên, theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá thì giá trị của 05 cây đào của anh H bị các bị cáo trộm cắp là 5.600.000 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận và buộc các bị cáo T, Th và T phải liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh H số tiền 5.600.000 đồng, trong đó phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo là 1.867.000 đồng.

Anh H xác nhận đã được chị Nguyễn Thị H (vợ bị cáo Th) bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị H đề nghị chỉ bồi thường phần trách nhiệm của bị cáo Th mà không bồi thường thay phần trách nhiệm của bị cáo T và T. Số tiền chênh lệch theo phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo Th với số tiền chị H đã giao cho anh H thì hai bên sẽ tự giải quyết. Do đó, cần buộc bị cáo T và bị cáo T phải bồi thường cho anh Lê Mạnh H, mỗi bị cáo là 1.867.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng của vụ án gồm một xe máy Honda

Dream màu nâu, không biển kiểm soát, số khung 0172228, số máy 0172228; một biển kiểm soát 31T9-179, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Đỗ Thị Thúy Ng; một xe máy Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 29F3-5707 xác định là tài sản của ông Nguyễn Văn Th. Do chị Ng và ông Th không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị Ng xe máy và biển kiểm soát, trả cho ông Th xe máy là phù hợp. Đối với 05 cây đào cảnh là tài sản của anh Lê Mạnh H bị trộm cắp, Cơ quan điều tra trả lại cho anh H là phù hợp.

[7] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 08 (Tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 06/3/2018.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 17/4/2018 đến ngày 23/4/2018.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Th 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 22/5/2018.

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 587 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn Th và Nguyễn Văn T1 phải liên đới bồi thường cho anh Lê Mạnh H số tiền 5.600.000 đồng, trong đó phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo là 1.867.000 đồng.

Xác định chị Nguyễn Thị H (vợ bị cáo Trần Văn Th) đã thỏa thuận và tự nguyện bồi thường thay bị cáo Trần Văn Th cho anh Lê Mạnh H số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn T1 phải tiếp tục bồi thường cho anh Lê Mạnh H theo phần trách nhiệm đã phân chia nêu trên.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND huyện Đ;
- Cơ quan THAHS huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại, NLQ.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

